

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 739/TTr-TNMT ngày 23/11/2023.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty TNHH Oritec Vina, địa chỉ trụ sở chính tại Lô CN-07, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biên, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất sản phẩm phụ trợ phòng sạch Oritec Vina” tại Lô CN 07, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biên và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất sản phẩm phụ trợ phòng sạch Oritec Vina

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH Oritec Vina

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô CN 07, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biên và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 2400941284 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 28/06/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2112886082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 14/6/2022.

1.5. Mã số thuế: 2400941284

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất các sản phẩm phòng sạch trong quá trình sản xuất các loại hàng dệt khác (khăn lau phòng sạch polyester, khăn ướt phòng sạch, giấy lau phòng sạch polyester, giấy ướt phòng sạch,...), các sản phẩm sản xuất từ plastics và các sản phẩm khác (que lau phòng sạch polyester, túi PE và màng PE).

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô CN 07, cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích 22.846 m<sup>2</sup>.

- Quy mô, công suất của dự án đầu tư:

+ Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

+ Sản xuất khăn lau phòng sạch polyester: 2.100.000 gói/năm tương đương 8.000 tấn/năm.

+ Sản xuất giấy lau phòng sạch polyester: 650.000 gói/năm tương đương 650 tấn/năm.

+ Sản xuất khăn ướt phòng sạch: 130.000 gói/năm tương đương 300 tấn/năm.

+ Sản xuất giấy ướt phòng sạch: 72.000 gói/năm tương đương 200 tấn/năm.

+ Sản xuất que lau phòng sạch polyester: 130.000 gói / năm tương đương 130 tấn/năm.

+ Sản xuất quần áo bảo hộ dùng 1 lần: 31.000 cái/năm tương đương 8 tấn/năm.

+ Sản xuất quần áo phòng sạch, chống tĩnh điện liền thân: 65.000 cái/năm tương đương 26 tấn/năm.

+ Sản xuất túi PE: 15.000.000 cái/năm tương đương 330 tấn/năm.

+ Sản xuất màng PE: 60.000.000m/năm tương đương 7 tấn/năm.

+ Sản xuất chổi lau phòng sạch: 200.000 cái/năm tương đương 55 tấn/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Oritec Vina được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Oritec Vina có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Oritec Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang, UBND huyện Yên Dũng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất sản phẩm phụ trợ phòng sạch Oritec Vina” tại Lô CN 07, Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, thị trấn Nham Biền và xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Oritec Vina được cấp phép theo

quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định 1083/QĐ-TNMT ngày 26/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Oritec Vina được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Yên Dũng, UBND thị trấn Nham Biền, UBND xã Yên Lư; Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang, Công ty TNHH Oritec Vina và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Oritec Vina (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  - + Lưu: VT, KTN Việt Anh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, do: Toàn bộ nước thải sinh hoạt, sản xuất phát sinh của dự án được thu gom vào 02 hệ thống xử lý nước thải tổng công suất 550 m<sup>3</sup>/ngày đêm (trong đó: hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 50m<sup>3</sup>/ngày đêm; hệ thống xử lý nước thải sản xuất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm) để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư do Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra nguồn tiếp nhận (Theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối hạ tầng kỹ thuật ngày 02/10/2023 giữa Công ty TNHH Oritec Vina và Công ty đầu tư Capella Bắc Giang), dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại 04 bể tự hoại 3 ngăn (02 bể thể tích 10m<sup>3</sup>/bể có kích thước 2mx2,5mx2m; 02 bể thể tích 3m<sup>3</sup>/bể có kích thước 1,5mx1mx2m), nước thải nhà bếp được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ có thể tích 5m<sup>3</sup>; Sau đó hai nguồn nước thải theo đường ống HDPE D160 với tổng chiều dài khoảng 383m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất 50m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, theo đường ống D160 có chiều dài 250m được đầu nối vào hố ga kiểm tra nước thải của dự án và tiếp tục dẫn theo đường ống PVC 200 dài 3m đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng.

- Nước thải sản xuất: Nước thải từ quá trình sản xuất theo đường ống HDPE D160 với tổng chiều dài khoảng 83m dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án với công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, theo đường ống D160 có chiều dài 250m được đầu nối vào hố ga kiểm tra nước thải (chung với nước thải sinh hoạt) của dự án và tiếp tục dẫn theo đường ống PVC 200 dài 3m đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

\*. Đối với nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn và bể tách mỡ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học thiếu khí (AA-O) → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học AA-O.

- Công suất thiết kế: 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine: 10 kg/tháng; Methanol: 180 kg/tháng; Mật rỉ đường: 60 lít/tháng.

\*. Đối với nước thải sản xuất:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý: Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Tháp tản nhiệt → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh PH1 → Bể điều chỉnh PH2 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 2 → Bể lọc áp lực → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của CCN Nham Sơn – Yên Lư, huyện Yên Dũng.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học hoá lý kết hợp với sinh học MBBR.

- Công suất thiết kế: 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC: 600 kg/tháng; Chlorine: 60 kg/tháng; Mật rỉ đường: 100 lít/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.

- Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Theo dõi, giám sát nước thải tại cửa xả và nước thải sau một số khâu xử

lý như: Sau bể điều hòa, bể lắng, bể xả thải để kịp thời có giải pháp điều chỉnh vận hành đảm bảo chất lượng nước xử lý đạt quy chuẩn.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh; bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh, hoá chất khử trùng.

1.4.2. Biện pháp công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác: Phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục. Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc và phải dừng hoạt động của hệ thống khắc phục sự cố, đồng thời thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

- Khi sự cố của hệ thống xử lý nước thải xảy ra như 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... sẽ ứng phó kịp thời như sau:

+ Khi một trong các bể gặp sự cố phải ngưng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; cán bộ, công nhân vận hành phụ trách công tác kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình.

+ Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi 02 máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngừng hoạt động thì máy còn lại sẽ làm việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

+ Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau:

++ Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không.

++ Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không.

+ Trang bị 2 máy bơm, vừa để sử dụng dự phòng trong trường hợp máy bơm chính gặp sự cố, vừa để bơm kết hợp với máy bơm chính trong trường hợp cần bơm với lưu lượng lớn hơn.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của hệ thống, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải của bể và mang đi xử lý theo quy định.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 10/2024 đến tháng 12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại 01 vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;
- Tại 01 vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải sản xuất;
- Tại 01 vị trí hố ga kiểm tra nước thải sau xử lý của dự án trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (*thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này*).

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (tại bể điều hòa)	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng;	Lấy mẫu 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày: 27/12/2024	QCVN 40: 2011/BT NMT, cột B
2	01 vị trí nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải sản xuất (tại bể điều hòa)	Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ; Coliform.		
3	01 vị trí tại hố ga kiểm tra nước thải sau xử lý của dự án trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng	pH, BOD <sub>5</sub> , COD, Chất rắn lơ lửng, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng dầu mỡ khoáng; Tổng phốt pho (tính theo P), Tổng nitơ; Coliform.	Lấy mẫu 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: 27/12/2024 - Lần 2: 28/12/2024 - Lần 3: 29/12/2024	

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nham Sơn - Yên Lư do Công ty TNHH Đầu tư Capella Bắc Giang làm chủ đầu tư. Không được phép lấp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

### 3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt đùn ép và sấy keo tạo sản phẩm màng PE.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn cắt laser tạo hình sản phẩm.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: 02 dòng khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

<b>Dòng khí thải</b>	<b>Vị trí xả khí thải</b>	<b>Tọa độ</b> (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107 <sup>0</sup> , múi chiều 3 <sup>0</sup> )
Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn gia nhiệt đùn ép và sấy keo tạo sản phẩm màng PE	X = 2344 316; Y = 418 099
Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt laser tạo hình sản phẩm	X = 2344 229; Y = 418 084

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:**

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 35.000m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 840.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 70.000m<sup>3</sup>/giờ, tương đương 1.680.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian làm việc của dự án (làm việc 24 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Quy chuẩn so sánh		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT	
1	SO <sub>2</sub>	Mg/Nm <sup>3</sup>	500	-	06 tháng/lần
2	NO <sub>x</sub>	Mg/Nm <sup>3</sup>	850	-	
3	Bụi tổng	Mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	
4	CO	Mg/Nm <sup>3</sup>	1000	-	
5	Benzen	Mg/Nm <sup>3</sup>	-	5	01 năm/lần
6	Vinylclorua	Mg/Nm <sup>3</sup>	-	20	
7	Xylen	Mg/Nm <sup>3</sup>	-	870	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt đùn ép và sấy keo tạo sản phẩm màng PE: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các điểm phát sinh qua hệ thống 08 ống hút bằng hợp kim kích thước D300, D550 có tổng chiều dài 24m (6 ống D300; 6 ống D550 mỗi ống dài 2m) và đường ống chính dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng ống xoắn D400; D650 dài 17,75m (01 ống D400 dài 7,5m; 1 ống D650 dài 10,25) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 37.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Khí thải phát sinh từ công đoạn cắt laser tạo hình sản phẩm: Dòng khí thải phát sinh được thu gom từ các điểm phát sinh qua hệ thống 30 ống hút bằng hợp kim D200 có chiều dài 30m (30 ống hút mỗi ống có chiều dài 1m) và đường 04 ống nhánh dẫn khí bằng hợp kim mềm dạng ống xoắn D200; D400; D600; D1000 tổng dài 80m (Ống D200 có L= 18m; D400 có L = 26m; D600 có L = 26m; D1000 có L = 10m) rồi qua đường ống chính dẫn khí thải D800; D1000 bằng hợp kim có tổng chiều dài 15m (D800 có L= 5m; D1000 có L=10m) dẫn về thiết bị xử lý khí thải công suất 70.000 m<sup>3</sup>/giờ.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt đùn ép và sấy keo tạo sản phẩm màng PE:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải => Ống hút khí + Đường ống dẫn khí => Thiết bị xử lý khí thải (Tháp hấp thụ bằng nước kết hợp với thiết bị lọc bụi tĩnh điện ướt) => Quạt hút

ly tâm => Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 37.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải:
- + Khay bông lọc bụi, tách ẩm: 7,065m<sup>2</sup>; dày 10cm/03 tháng;
- + Nước khoảng 6m<sup>3</sup> (tuần hoàn)/3-6 tháng.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn cắt laser tạo hình sản phẩm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải

Khí thải => Ống hút khí + Đường ống dẫn khí => Thiết bị xử lý khí thải (Tháp hấp thụ bằng nước kết hợp với hấp phụ than hoạt tính) => Quạt hút ly tâm => Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT).

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý khí thải: 70.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Than hoạt tính: 1200kg/03 tháng.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.3.2. Biện pháp ứng phó:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại nhà máy, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để

kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ tháng 10/2024 đến tháng 12/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn gia nhiệt đùn ép và sấy keo tạo sản phẩm màng PE công suất 37.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hệ thống xử lý khí thải công đoạn cắt laser tạo hình sản phẩm công suất 70.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí tại 02 ống thoát khí thải sau khi xử lý qua 02 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	02 vị trí tại 02 ống thoát khí thải của 02 hệ thống xử lý khí thải của dự án.	Bụi tổng, CO, NO <sub>x</sub> , SO <sub>2</sub> , Benzen, Vinylclorua, Xylen.	Lấy mẫu 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến: - Lần 1: Ngày 27/12/2024 - Lần 2: Ngày 28/12/2024 - Lần 3: Ngày 29/12/2024	QCVN 19:2009/BTN MT, Cột B và QCVN 20:2009/BTN MT

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của dây chuyền sản xuất của nhà máy tại xưởng sản xuất số 01.

+ Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động sản xuất tại tầng 1

+ Nguồn số 2: Phát sinh từ hoạt động sản xuất tại tầng 2

+ Nguồn số 3: Phát sinh từ hoạt động sản xuất tại tầng 3

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 vị trí (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^0$ , múi chiếu  $3^0$ )**

+ Vị trí 1: Tại khu vực ở tầng 1. Toạ độ: X = 2344 176; Y = 418 117

+ Vị trí 2: Tại khu vực tầng 2. Toạ độ: X = 2344 180; Y = 418 046

+ Vị trí 3: Tại khu vực tầng 2. Toạ độ: X = 2344 190; Y = 418 011

**3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành (QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc), cụ thể như sau:**

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, m/s <sup>2</sup>		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4	1,4	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.

- Các máy móc thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Trồng cây xanh trên hành lang, sát tường rào, khu đất trống, vừa tăng cường cảnh quan vừa giúp giảm phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chung loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: khoảng **12.730 kg/năm**, gồm:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Hộp mực in thải	Rắn	20	08 02 04
2	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại, tấm bông lọc bụi	Rắn	860	18 02 01
3	Dầu động cơ bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
3	Than hoạt tính từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	9.600	12 01 04
4	Vỏ thùng, can đựng hóa chất bằng nhựa	Rắn	200	18 01 03
5	Vỏ thùng can đựng hóa chất bằng kim loại	Rắn	500	18 01 02
6	Bùn thải	Bùn	1.500	03 02 08
<b>Tổng lượng</b>			<b>12.730</b>	

1.2. Khối lượng, chung loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: khoảng **71.608,3kg/tháng** gồm:

TT	Tên chất thải rắn	Đơn vị	Khối lượng
1	Bìa, giấy vụn, băng dính, nilon	Kg/tháng	300
2	Bavia vải, nhựa chiếm khoảng 4%	Kg/tháng	35.654,2
3	Nguyên liệu đầu vào, sản phẩm lỗi, hỏng chiếm khoảng 4%	Kg/tháng	35.654,2
<b>Tổng</b>		<b>Kg/tháng</b>	<b>71.608,3</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 250kg/ngày, , rác thải sinh hoạt chủ yếu như túi nilong, vỏ chai lọ, vỏ hoa quả bánh kẹo, giấy ăn, bã

chè...phát sinh từ nhà vệ sinh, văn phòng và nhà ăn.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.**

### **2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn nguy hại**

#### **2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Bố trí 6 thùng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng, lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại, các thùng có tên, mã số chất thải nguy hại và dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất 1 lần/tháng).

#### **2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:**

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 20,5m<sup>2</sup> (kích thước 3,83mx5,35m), được bố trí bên cạnh nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố. Chiều cao công trình 3,0m.

### **2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sản xuất thông thường**

#### **2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

Bố trí các thùng chứa chất thải sản xuất tại các vị trí như sau: Trong nhà xưởng bố trí 30 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 150lít/thùng tại các khu vực sản xuất chia đều cho các tầng. Sau đó thu gom về kho chứa và ký hợp đồng thuê đơn vị đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo quy định (tần suất 1 lần/tháng).

#### **2.2.2. Kho chứa chất thải sản xuất:**

- Diện tích kho chứa chất thải sản xuất: 30 m<sup>2</sup> (kích thước 5,7x5,26m), được bố trí bên cạnh nhà xưởng.

- Thiết kế: Kho xây dựng khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,0m.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt thông thường**

#### **2.3.1. Thiết bị lưu chứa:**

Chủ dự án bố trí 20 thùng nhựa chứa rác dung tích 100 lít/thùng có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,... Sau đó thu gom về kho chứa và ký hợp đồng với đơn vị vệ sinh đến thu gom, vận chuyển để xử lý theo quy định (tần suất 2-3 ngày/lần).

#### **2.3.2. Khu vực lưu chứa:**

- Diện tích kho chứa chất thải sinh hoạt: 20 m<sup>2</sup> (kích thước 5,7x3,5m), được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế: Kho xây dựng khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3,0m.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động sản xuất khi xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

**Công ty TNHH Oritec Vina (Chủ dự án) có trách nhiệm:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành 02 hệ thống xử lý nước thải (tổng công suất 550 m<sup>3</sup>/ngày đêm) để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án và các đơn vị thuê xưởng đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Nham Sơn - Yên Lư, huyện Yên Dũng (do Công ty TNHH đầu tư Capella Bắc Giang làm Chủ đầu tư) đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Yên Dũng trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 739/TTr-TNMT ngày 23/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.